

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2026/DS-ST

Ngày: 08-4-2026

V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Thạch Dương Nhanh;

Ông Phạm Minh Vũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

Trong ngày 08 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 102/2026/TLST-DS ngày 04 tháng 02 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 163/2026/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 3 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Lê Hoài T, sinh năm 1989. Là chủ hộ kinh doanh Thành Long. Địa chỉ: A lộ T, khóm W, phường V, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Ông Dương Thanh T1, sinh năm 2001 (vắng mặt, có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Số C khu V, phường K, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:*

1. Ông Thạch P, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Phan Thị Cẩm H, sinh năm 1987 (vắng mặt).

Địa chỉ: khu V, phường V, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn trình bày:

Trước đây, ông Nguyễn Duy M là chủ hộ kinh doanh T2 tại khu vực Sở Tại B, phường V, thành phố Cần Thơ. Sau đó ông M đã chấm dứt hoạt động kinh doanh tại hộ Kinh doanh T3 và chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ hoạt động kinh doanh trước đây của Hộ kinh doanh T3 cho chủ hộ kinh doanh là ông Lê Hoài T theo văn bản thỏa thuận ngày 23/02/2023.

Từ 29/06/2014, Hộ kinh doanh T3 mua bán thức ăn thủy sản mang thương hiệu Việt Hoa và các loại thuốc phục vụ cho việc nuôi tôm với vợ chồng ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H. Theo thỏa thuận hộ kinh doanh T3 bán thức ăn nuôi tôm cho gia đình ông P, bà H. Hàng hóa được nhân viên giao hàng chở đến nhà ông P, bà H hoặc ông P bà H đến kho lấy hàng, khi nhận hàng ông P, bà H hoặc người nhà ký nhận vào sổ theo dõi giao nhận hàng. Sau mỗi vụ thu hoạch tôm gia đình ông P, bà H phải thanh toán hết tiền hàng cho hộ kinh doanh ông T. Trường hợp nuôi thất thu vẫn phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Từ ngày 29/06/2014 đến ngày 28/12/2024, ông P, bà H còn nợ lại số tiền mua hàng là 313.590.000 đồng. Trong quá trình mua bán thức ăn cho tôm và các loại thuốc thủy sản, phía ông T đã giao hàng hóa đúng theo yêu cầu đặt hàng của gia đình ông P, bà H. Sau khi nhận hàng ông P, bà H đều ký nhận vào sổ theo dõi hàng hóa và không có ý kiến phản đối gì về số lượng chất lượng, chủng loại hàng hóa mà ông T đã giao. Tuy nhiên, sau mỗi vụ thu hoạch tôm và khi đến hạn thanh toán ông P, bà H đã không thanh toán đầy đủ tiền hàng cho ông T theo đúng thỏa thuận đã ký theo hợp đồng. Sau nhiều vụ ông T hỗ trợ cho gia đình ông P, bà H thêm thời hạn thanh toán để có điều kiện nuôi nhưng gia đình ông P, bà H vẫn chưa thanh toán đủ, vụ nào cũng để nợ lại dẫn đến công nợ lên cao và gây ảnh hưởng đến việc thu hồi vốn gây khó khăn cho hoạt động kinh doanh của ông T. Mặc dù ông Lê Hoài T đã nhiều lần yêu cầu gia đình ông P, bà H trả tiền hàng còn nợ cho ông T nhưng đến nay ông P, bà H vẫn chưa thanh toán.

Nay ông Lê Hoài T là chủ hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xem xét, giải quyết buộc ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H liên đới trả cho Lê Hoài T là chủ hộ kinh doanh Thành Long số tiền nợ mua hàng hóa là 313.590.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

- Đối với bị đơn ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H: Ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản thể hiện ý cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Dương Thanh T1 và bị đơn ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng ông T1, ông P và bà H vắng mặt. Ông T1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông P và bà H vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ

luật Tổ tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đại diện nguyên đơn ông Dương Thanh T1 và bị đơn ông Thạch P, bà Phan Thị Cẩm H.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn: Nguyên đơn ông Lê Hoài T là chủ hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H trả số tiền do mua thức ăn tôm còn nợ lại gốc là 313.590.000 đồng. Chứng cứ nguyên đơn đưa ra là “Bảng đối chiếu xác nhận công nợ” đề ngày 01/11/2023, tồn nợ cuối kỳ là 316.590.000 đồng, khách hàng ông Thạch P đã ký. Tại sổ ghi chép việc mua hàng có chữ ký của ông P, bà H thể hiện số nợ là 316.590.000 đồng, sau đó đã trả 3.000.000 đồng, còn nợ lại 313.590.000 đồng. Xét thấy, những chứng cứ nêu trên thể hiện số nợ cuối cùng ông P và bà H còn nợ lại là 313.590.000 đồng và có chữ ký xác nhận của ông P, bà H. Ông P và bà H đã được Tòa án cấp tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, hợp lệ theo quy định pháp luật nhưng không có ý kiến phản đối và vắng mặt trong suốt quá trình xét xử vụ án. Căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì lời trình bày của đại diện nguyên đơn và chứng cứ nguyên đơn đưa ra là có căn cứ và nguyên đơn không cần phải chứng minh. Việc thỏa thuận của nguyên đơn và bị đơn về việc mua bán thức ăn nuôi tôm và thuốc thủy sản là tự nguyện, bình đẳng, không trái với quy định pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên được xác định đây là hợp đồng dân sự mà cụ thể là hợp đồng mua bán được điều chỉnh tại Điều 430 của Bộ luật Dân sự, được pháp luật bảo vệ. Ông Lê Hoài T đã thực hiện nghĩa vụ bán và chuyển giao tài sản là thức ăn chăn nuôi tôm cho bên mua là ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H. Ông P và bà H đã nhận đủ tài sản do ông T chuyển giao nêu trên để phục vụ việc nuôi tôm, phát triển kinh tế gia đình nhưng ông P và bà H chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho ông T theo thỏa thuận và ông P và bà H còn nợ của ông T số tiền là 313.590.000 đồng là đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 440 của Bộ luật Dân sự. Do đó, ông Lê Hoài T chủ Hộ kinh doanh Thành Long yêu cầu ông P và bà H trả số tiền nợ 313.590.000 đồng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn, ông Lê Hoài T chủ Hộ kinh doanh Thành Long được Hội đồng xét xử chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận theo quy định khoản 2 Điều 143 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 và khoản 2 Điều 143, khoản 3 Điều 144, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 430, Điều 440 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lê Hoài T là chủ Hộ kinh doanh Thành Long.

2. Buộc ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Hoài T là chủ Hộ kinh doanh Thành Long số tiền nợ gốc là 313.590.000 đồng (Ba trăm mười ba triệu, năm trăm chín mươi nghìn đồng).

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn ông Lê Hoài T là chủ hộ kinh doanh Thành Long được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.360.309 đồng (Tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn, ba trăm linh chín đồng) theo biên lai thu số 0002018 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Bị đơn ông Thạch P và bà Phan Thị Cẩm H phải liên đới nộp án phí dân sự là 15.679.500 đồng (Mười lăm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm đồng), nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ.

5. Về việc kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 8 - CT;
- Các đương sự, đại diện DS;
- TAND thành phố Cần Thơ;
- Phòng T.H.A DS khu vực 8 – Cần Thơ;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến